Tên em: ..... Lớp: .....

I. Bài tập trắc nghiệm:

Câu 1: Đơn vị nào dưới đây lớn hơn mét vuông trong bảng đơn vị đo diện tích?

A. mm^2 B. cm^2 C. km^2 D. dm^2

Câu 2: Đơn vị đề-ca-mét vuông được kí hiệu là:

A. dam^2 B. da^2 C. mad^2 D. am^2

Câu 3: Đơn vị nào dưới đây bé hơn mét vuông trong bảng đơn vị đo diện tích?

A. km^2 B. mm^2 C. hm^2 D. dam^2

Câu 4: Số thích hợp để điền vào chỗ chấm $3m^2 16cm^2$ = ….cm^2 là:

A. 30 016 B. 3016 C. 316 D. 300 016

Câu 5: Diện tích của hình vuông có chu vi bằng 40dm là:

A. $1dm^2$ B. $1cm^2$ C. $1hm^2$ D. $1m^2$

LIVEWORKSHEETS

II. Câu hỏi tự luận:

Câu 1/ Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 8 dam^2 = ……m^2

20 hm^2 = …. …..dam^2

5 cm^2 = ……mm^2

3 m^2 = ……cm^2

7 hm^2 = …… m^2

13 km^2 = …… hm^2

b) 300 m^2 = …….. dam^2

2100 dam^2 = ……..hm^2

900 mm^2 = ……. cm^2

8000 dm^2 =… ….m^2

50 000 m^2 = …….hm^2

34 000 hm^2 = …….km^2

c) 1/10 hm^2 = …. m^2

3/5 hm^2 = …. m^2

d) 1/10 km^2 =….hm^2

1/2 km^2 = ….hm^2

Câu 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 38 m^2 25 dm^2 = ……. dm^2

15dm^2 9cm^2 = ……. cm^2

10 cm^2 6 mm^2 = ……. mm^2

1hm^2 15dam^2 = ……. m^2

12km^2 4dam^2 = …… m^2

b) 198 cm^2 = ……. dm^2 ……. cm^2

2080 dm^2 = ……. m^2 ……. dm^2

3107 mm^2 = ……. cm^2 ……. mm^2

5427dam^2 = ……. hm^2 ……. dam^2

6027hm^2 = ……. km^2 …….. km^2

LIVEWORKSHEETS